TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 40/2020/QĐST - HNGĐ	*N, ngày 29 tháng 4 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", giữa:

Nguyên đơn: **Anh Vi Đức T**; Sinh năm: 1993;

Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: **Chị Lục Thị T1**; Sinh năm: 1996;

Địa chỉ: Thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 144, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 55; 58; 68; 69; 71; 72; 81; 82; 83; 84; 110; 116; 118 và Điều 119 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 6, 19, 26 và Điều 27 của nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ quốc hội về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 4 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc T tình ly hôn và sự thoả T của các đương sự được ghi trong biên bản nghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành ngày 21/4/2020 là tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Vi Đức T và chị Lục Thị T1.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về hôn nhân:* Anh Vi Đức T và chị Lục Thị T1 đều có ý kiến chung và cùng thống nhất: Anh và chị tự nguyện kết hôn với nhau theo nghi lễ truyền thống có đăng ký kết hôn tại UBND xã T vào ngày 13/11/2017. Trong quá trình chung sống

giữa anh, chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cải vã, xúc phạm nhau. Dù đã được hai bên gia đình nội ngoại hòa giải nhiều lần nhưng tình cảm vẫn không thay đổi. Từ cuối năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau không ai quan tâm, chăm sóc gia đình chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mâu thuẫn đã trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh chị đều thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Anh Vi Đức T và Chị Lục Thị T1 có 01 con chung là cháu Vi Ngọc D. Giới tính: Nữ, Sinh ngày: 04.5.2018. Cháu phát triển bình thường về thể lực và trí lực, không ốm đau bệnh tật gì và hiện nay đang sinh sống và cư cùng bố mẹ anh T tại: Thôn T, xã T1, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Anh Vi Đức T và Chị Lục Thị T1 có ý kiến chung, thống nhất: Giao cháu Vi Ngọc D cho chị T1 trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Ngọc D đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và anh T có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 5/2020, cho đến khi cháu Vi Ngọc D thành niên. Anh Vi Đức T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được phép ngăn cản anh thực hiện quyền này, anh Vi Đức T có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con chung theo quy định.

- *Về tài sản và nghĩa vụ chung:* Anh Vi Đức T và Chị Lục Thị T1 thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Vi Đức T và chị Lục Thị T1 thống nhất thỏa T: Anh Vi Đức T chịu 150.000 đồng tiền án phí DS - HNGĐ sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại anh T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N, theo biên lai thu tiền số AA/2017/0003452, ngày 06 tháng 01 năm 2020 nên anh đã nộp đủ. Chị Lục Thị T1 không phải chịu DS-HNGĐ sơ thẩm.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện N;
- Chị cục THA DS huyện N;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- UBND xã T, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Công Tuấn